

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý  
Phú Nhuận và các công ty con**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2009**



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Kinh doanh số**

4103002026

ngày 2 tháng 1 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh sau cùng là ngày 24 tháng 9 năm 2009.

**Hội đồng Quản trị**

Bà Cao Thị Ngọc Dung  
Ông Nguyễn Vũ Phan  
Bà Nguyễn Thị Cúc  
Bà Nguyễn Thị Ngọc  
Ông Đặng Phước Dừa

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Bà Cao Thị Ngọc Dung  
Bà Nguyễn Thị Cúc  
Ông Nguyễn Vũ Phan  
Ông Lê Hữu Hạnh  
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

170E Phan Đăng Lưu  
Quận Phú Nhuận  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Công ty Kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con (“Tập đoàn”) và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất và riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

## Vấn đề lưu ý

### *Đánh giá lại các khoản vay bằng vàng*

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới Thuyết minh 10(b) trong báo cáo tài chính. Một công ty liên kết trong Tập đoàn chưa đánh giá lại các khoản vay bằng vàng theo tỷ giá vàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ban Giám đốc tin rằng cách hạch toán này là phù hợp và có thể chấp nhận được cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất vì công ty liên kết này không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc, đá quý và hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào do Bộ Tài Chính ban hành về việc hạch toán các nghiệp vụ như trên.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-137



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc



Hà Vũ Định

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh,

30 MAR 2010



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>						
Tài sản ngắn hạn	100		982.017.730.615	786.286.736.162	867.823.005.658	668.744.760.108
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	274.965.948.571	210.458.127.512	244.771.724.200	191.816.526.514
Tiền	111		87.772.462.002	78.731.661.992	57.968.926.802	60.256.881.994
Các khoản tương đương tiền	112		187.193.486.569	131.726.465.520	186.802.797.398	131.559.644.520
Đầu tư ngắn hạn	120	10	29.475.000.000	23.032.212.000	29.475.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		29.475.000.000	24.131.274.000	29.475.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.099.062.000)	-	-
Các khoản phải thu	130	5	138.191.257.787	55.318.332.984	106.439.924.901	49.907.572.446
Phải thu thương mại	131		39.023.700.978	27.262.281.228	13.026.558.751	8.528.461.091
Trả trước cho người bán	132		21.221.519.128	4.041.126.129	19.760.327.591	3.255.324.717
Phải thu khác	135		79.519.332.424	24.736.018.500	75.226.333.302	38.844.879.511
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.573.294.743)	(721.092.873)	(1.573.294.743)	(721.092.873)
Hàng tồn kho	140	6	520.649.533.349	475.355.974.111	477.039.657.212	417.056.293.271
Hàng tồn kho	141		520.649.533.349	475.358.311.753	477.039.657.212	417.058.630.913
Dự phòng hàng tồn kho	149		-	(2.337.642)	-	(2.337.642)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.735.990.908	22.122.089.555	10.096.699.345	9.964.367.877
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.952.661.989	9.541.789.765	3.555.743.505	5.892.832.007
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.847.907.717	6.228.925.815	-	-
Thuế phải thu Nhà nước	154		-	47.122.962	-	47.122.962
Tài sản ngắn hạn khác	158		7.935.421.202	6.304.251.013	6.540.955.840	4.024.412.908

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VND	31/12/2008 VND	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>1.043.636.942.969</b>	<b>896.845.092.860</b>	<b>865.772.260.671</b>	<b>783.759.273.549</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>362.827.774.927</b>	<b>311.765.860.980</b>	<b>260.624.885.020</b>	<b>240.294.054.912</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	102.456.222.071	86.100.020.559	48.619.779.375	34.214.078.143
<i>Nguyên giá</i>	222		179.485.689.995	185.594.669.608	94.143.089.866	70.657.882.784
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(77.029.467.924)	(99.494.649.049)	(45.523.310.491)	(36.443.804.641)
Tài sản cố định vô hình	227	8	210.294.141.155	200.541.521.567	202.582.212.236	192.915.905.088
<i>Nguyên giá</i>	228		211.669.894.351	201.624.886.935	202.832.509.251	193.068.674.638
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(1.375.753.196)	(1.083.365.368)	(250.297.015)	(152.769.550)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	50.077.411.701	25.124.318.854	9.422.893.409	13.164.071.681
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>10</b>	<b>520.427.787.830</b>	<b>426.682.310.080</b>	<b>592.572.191.080</b>	<b>531.244.947.080</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	90.990.000.000	104.562.637.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680
Đầu tư dài hạn khác	258		401.497.308.400	358.482.288.400	401.497.308.400	358.482.288.400
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)	(10.800.000.000)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>160.381.380.212</b>	<b>158.396.921.800</b>	<b>12.575.184.571</b>	<b>12.220.271.557</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	158.917.372.541	154.427.934.485	11.765.661.910	11.791.127.754
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.440.007.671	2.335.289.302	809.522.661	429.143.803
Tài sản dài hạn khác	244		24.000.000	5.000.000	-	-
Lợi thế thương mại	269	14	-	1.628.698.013	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.025.654.673.584</b>	<b>1.683.131.829.022</b>	<b>1.733.595.266.329</b>	<b>1.452.504.033.657</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VND	31/12/2008 VND	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>						
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>987.415.904.607</b>	<b>718.813.204.662</b>	<b>780.836.506.897</b>	<b>543.681.723.750</b>
Vay ngắn hạn	311	0	869.678.484.312	642.101.906.161	761.261.770.396	539.235.459.189
Phải trả người bán	312		667.924.282.992	470.190.382.245	621.165.721.214	409.347.202.157
Người mua trả tiền trước	313		114.450.655.153	76.276.404.188	46.318.496.483	33.895.358.120
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	5.806.792.297	60.452.206.963	4.631.804.900	59.851.773.025
Phải trả người lao động	315		18.815.119.762	14.930.855.659	10.038.660.363	11.012.309.799
Chi phí phải trả	316	17	4.477.600.706	2.310.857.956	2.736.400.718	530.287.937
Phải trả khác	319	18	13.638.665.427	5.607.530.633	10.611.063.796	3.826.637.437
			44.565.367.975	12.333.668.517	65.759.622.922	20.771.890.714
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>117.737.420.295</b>	<b>76.711.298.501</b>	<b>19.574.736.501</b>	<b>4.446.264.561</b>
Phải trả dài hạn khác	333		65.735.259.799	57.090.566.480	426.284.500	249.325.500
Vay dài hạn	334	19	48.222.514.236	16.321.608.272	15.383.000.000	1.856.001.961
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	20	3.779.646.260	3.299.123.749	3.765.452.001	2.340.937.100
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>991.437.627.283</b>	<b>913.558.694.522</b>	<b>952.758.759.432</b>	<b>908.822.309.907</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>955.741.161.339</b>	<b>893.598.500.445</b>	<b>918.111.698.015</b>	<b>890.049.726.994</b>
Vốn cổ phần	411	21	399.999.210.000	300.000.000.000	399.999.210.000	300.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	21	425.000.790.000	525.000.000.000	425.000.790.000	525.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	21	(7.090.000)	-	(7.090.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		52.698.926.954	31.728.284.680	31.070.897.000	31.070.897.000
Quỹ dự phòng tài chính	418		25.704.156.577	15.449.322.840	24.129.654.000	15.120.629.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		52.345.167.808	21.420.892.925	37.918.237.015	18.858.200.994

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2009 VND	31/12/2008 VND	31/12/2009 VND	31/12/2008 VND
<b>Quỹ phi hoạt động kinh doanh và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>35.696.465.944</b>	<b>19.960.194.077</b>	<b>34.647.061.417</b>	<b>18.772.582.913</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431	22	35.696.465.944	19.960.194.077	34.647.061.417	18.772.582.913
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>23</b>	<b>46.801.141.694</b>	<b>50.759.929.838</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.025.654.673.584</b>	<b>1.683.131.829.022</b>	<b>1.733.595.266.329</b>	<b>1.452.504.033.657</b>

Người lập:   
 Đặng Thị Lài  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:   
 Cao Thị Ngọc Dung  
 Tổng Giám đốc



30 MAR 2010



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**


	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>3</b>	<b>10.290.503.190.514</b>	<b>4.204.235.943.563</b>	<b>9.625.462.675.283</b>	<b>3.500.788.372.647</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>3</b>	<b>(34.203.428.628)</b>	<b>(25.386.760.979)</b>	<b>(34.161.993.758)</b>	<b>(25.043.759.774)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>10.256.299.761.886</b>	<b>4.178.849.182.584</b>	<b>9.591.300.681.525</b>	<b>3.475.744.612.873</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>3</b>	<b>(9.755.444.424.582)</b>	<b>(3.828.808.852.408)</b>	<b>(9.199.860.068.593)</b>	<b>(3.219.330.626.542)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>500.855.337.304</b>	<b>350.040.330.176</b>	<b>391.440.612.932</b>	<b>256.413.986.331</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	74.014.998.344	56.899.530.012	57.619.629.324	59.904.089.075
Chi phí hoạt động tài chính	22	25	(75.807.391.931)	(63.237.590.959)	(65.064.285.736)	(48.996.945.710)
Chi phí bán hàng	24		(185.512.985.806)	(140.191.777.752)	(124.140.261.830)	(85.018.048.255)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(61.079.143.055)	(47.245.266.782)	(41.984.654.676)	(32.507.355.881)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>252.470.814.856</b>	<b>156.265.224.695</b>	<b>217.871.040.014</b>	<b>149.795.725.560</b>
<b>Kết quả từ những hoạt động khác</b>	<b>40</b>					
Thu nhập khác	31	26	12.101.550.024	11.167.192.255	4.150.582.716	3.469.400.970
Chi phí khác	32		(1.039.248.353)	(922.253.466)	(989.665.615)	(140.870.222)
<b>Lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết</b>	<b>40</b>	<b>10</b>	<b>11.187.254.025</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*


**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
50	Lợi nhuận trước thuế	274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	(54.552.299.565)	(35.528.877.415)	(45.738.661.952)	(31.426.235.324)
52	(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(336.191.501)	882.536.794	380.378.858	429.143.803
60	Lợi nhuận thuần	219.831.879.486	131.863.822.863	175.673.674.021	122.127.164.787
61	Phân bổ cho: Cổ đông thiểu số	15.340.366.447	6.300.247.042	-	-
62	Chủ sở hữu của Công ty	204.491.513.039	125.563.575.821	-	-
70	Lãi trên cổ phiếu	5.112	3.139	4.392	3.053

Người lập:

  
 Đặng Thị Lại  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Cao Thị Ngọc Dung  
 Tổng Giám đốc



30 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Tập đoàn	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	11.113.518.929	3.775.885.965	88.836.117.479	928.725.522.373
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	125.563.575.821	125.563.575.821
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.614.765.751	11.708.436.875	(57.082.417.500)	(24.759.214.874)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(9.146.382.875)	(9.146.382.875)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.728.284.680	15.449.322.840	21.420.892.925	893.598.500.445
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	204.491.513.039	204.491.513.039
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	21.525.003.613	10.363.627.186	(53.079.746.192)	(21.191.115.393)
Chuyển từ quỹ sang lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	(425.337.274)	-	628.488.770	203.151.496
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	(129.024.065)	(5.850.000)	-	(134.874.065)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(4.117.162.734)	(4.117.162.734)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	(102.943.449)	-	(102.943.449)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>399.999.210.000</b>	<b>425.000.790.000</b>	<b>(7.090.000)</b>	<b>52.698.926.954</b>	<b>25.704.156.577</b>	<b>52.345.167.808</b>	<b>955.741.161.339</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Công ty	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	11.070.897.000	3.754.575.000	87.654.252.207	927.479.724.207
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	122.127.164.787	122.127.164.787
Trích lập các quỹ	-	-	-	20.000.000.000	11.401.054.000	(55.334.216.000)	(23.933.162.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(126.750.000.000)	(126.750.000.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(35.000.000)	-	(35.000.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(8.839.000.000)	(8.839.000.000)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận**

**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	300.000.000.000	525.000.000.000	-	31.070.897.000	15.120.629.000	18.858.200.994	890.049.726.994
Cổ phiếu thưởng đã phát hành	99.999.210.000	(99.999.210.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	175.673.674.021	175.673.674.021
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(7.090.000)	-	-	-	(7.090.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	9.014.875.000	(36.329.501.000)	(27.314.626.000)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(116.998.818.000)	(116.998.818.000)
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	-	-	-	-	(5.850.000)	-	(5.850.000)
Trích lập các quỹ không thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(3.285.319.000)	(3.285.319.000)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	399.999.210.000	425.000.790.000	(7.090.000)	31.070.897.000	24.129.654.000	37.918.237.015	918.111.698.015

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc



30 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
Lợi nhuận trước thuế	01		274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		41.018.313.453	36.065.641.226	13.172.203.112	10.746.235.722
Dự phòng	03		2.549.400.200	13.872.415.768	2.603.892.647	12.332.656.438
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		22.808.291.931	(575.062.801)	22.131.194.245	1.028.498
Lãi thanh lý tài sản cố định			(201.736.540)	(16.700.000)	(213.265.540)	(16.700.000)
Xóa sổ tài sản cố định			-	6.254.186	-	-
Lãi từ chuyển giao tài sản cho công ty con	05		-	-	(2.281.409.000)	(2.281.409.000)
Lãi từ đầu tư chứng khoán	05		(25.893.396.000)	-	(900.000.000)	-
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(1.286.857.437)	-	(4.178.163.000)	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(33.929.329.028)	(38.081.508.139)	(41.429.423.343)	(44.582.258.439)
Lãi từ đầu tư chứng khoán qua quỹ ủy thác	05		(10.342.193.078)	-	(10.342.193.078)	-
Chi phí lãi vay	06		41.421.831.862	32.978.648.561	35.701.424.763	27.804.402.620
Lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết			(11.187.254.025)	-	-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>299.677.441.890</b>	<b>210.759.852.285</b>	<b>235.296.217.921</b>	<b>157.128.212.147</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(105.161.138.461)	152.635.162.886	(57.575.941.699)	120.061.981.246
Biến động hàng tồn kho	10		(61.216.882.336)	(53.095.479.693)	(59.983.363.941)	(52.587.229.931)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		11.581.239.860	47.464.575.621	(16.378.696.028)	67.646.456.848
			<b>144.880.660.953</b>	<b>357.764.111.099</b>	<b>101.358.216.253</b>	<b>292.249.420.310</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Lãi vay đã trả	13		(39.890.584.302)	(31.942.217.928)	(34.043.289.288)	(27.102.176.569)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(45.712.047.230)	(40.264.181.593)	(41.993.107.219)	(39.165.224.859)
Chi trả khác cho hoạt động kinh doanh	16		(13.743.552.956)	(13.557.092.933)	(11.445.997.496)	(13.286.118.429)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>45.534.476.465</b>	<b>272.000.618.645</b>	<b>13.875.822.250</b>	<b>212.695.900.453</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(102.468.852,843)	(300.793.468.406)	(34.007.801.836)	(226.765.412.201)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	22		751.500.000	16.700.000	743.500.000	16.700.000
Chi đầu tư vào các công ty khác	25		(125.568.170.000)	(159.221.739.000)	(112.824.881.000)	(137.680.465.000)
Thu hồi đầu tư vào các công ty khác	26		59.393.497.000	29.420.000.000	5.650.000.000	33.722.905.499
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		33.929.329.028	37.761.583.707	51.771.616.421	44.582.258.439
Thu từ đầu tư qua quỹ ủy thác			10.342.193.078	-	-	-
Thu từ bán công ty con, tiền thuần đã thanh lý			21.137.863.351	-	21.450.800.000	-
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(102.482.640.386)</b>	<b>(392.816.923.699)</b>	<b>(67.216.766.415)</b>	<b>(286.124.013.263)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh		Tập đoàn		Công ty	
		2009	2008	2009	2008	2009	2008
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>							
Mua lại cổ phiếu quỹ	31	(7.090.000)	-	(7.090.000)	-	-	-
Thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	3.836.446.956.347	1.491.252.597.816	3.836.446.956.347	3.589.602.743.108	1.292.525.806.867	1.292.525.806.867
Vốn góp bởi cổ đông thiểu số	34	(3.613.830.205.036)	6.418.455.498	-	-	-	-
Chi trả nợ gốc	35	(4.092.849.000)	(1.339.094.448.798)	(4.092.849.000)	(3.386.915.781.612)	(1.180.335.671.920)	(1.180.335.671.920)
Chi trả cổ tức cho cổ đông thiểu số	36	(96.911.091.000)	(4.004.056.798)	(96.911.091.000)	-	-	-
Chi trả cổ tức			(125.824.563.000)		(137.086.545.000)	(125.824.563.000)	(125.824.563.000)
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>121.605.721.311</b>	<b>28.747.984.718</b>	<b>121.605.721.311</b>	<b>65.593.326.496</b>	<b>(13.634.428.053)</b>	<b>(13.634.428.053)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>64,657,557,390</b>	<b>(92,068,320,336)</b>	<b>64,657,557,390</b>	<b>52,427,836,331</b>	<b>(87,062,540,863)</b>	<b>(87,062,540,863)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>210,458,127,512</b>	<b>298,970,875,252</b>	<b>191,816,526,514</b>	<b>278,600,661,459</b>	<b>278,600,661,459</b>
Tiền (chi cho)/thu từ (thanh lý)/hợp nhất kinh doanh			-	3.277.166.678	-	-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(149.736.331)	278.405.918	(149.736.331)	527.361.355	278.405.918	278.405.918
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>274,965,948,571</b>	<b>210,458,127,512</b>	<b>244,771,724,200</b>	<b>191,816,526,514</b>	<b>191,816,526,514</b>


Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ**

Vui lòng xem Thuyết minh số 11 về tài sản và nợ phải trả từ thanh lý hoạt động kinh doanh.

Người lập:

  
Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc



30 MAR 2010

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi nhuận của Tập đoàn trong các công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, trang sức và đá quý; nhập khẩu và xuất khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý; cung cấp dịch vụ ngoại hối; thăm dò và khai thác vàng, bạc, đá quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn có 2.704 nhân viên (2008: 2.391 nhân viên); Công ty có 1.833 nhân viên (2008: 1.735 nhân viên).

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

**(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(i) Cơ sở kế toán chung**

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(ii) Cơ sở hợp nhất**

*Công ty con*

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất vào báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

*Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

*Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn và Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 (“VAS 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền bao gồm vàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, công cụ nợ và công cụ vốn chủ sở hữu của các công ty không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hoặc Tập đoàn không có những ảnh hưởng trọng yếu đến các công ty đó, được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	3 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 – 10 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và quyền sử dụng đất thuê. Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không phân bổ. Quyền sử dụng đất thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian thuê đất.

**(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(j) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(k) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Bình khí đốt**

Bình khí đốt được phản ánh theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(ii) Chi phí thuê nhà trả trước**

Chi phí thuê nhà trả trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê từ 1 đến 5 năm.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(iii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 40 năm.

**(iv) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu là thiết bị văn phòng không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định hữu hình theo quy định của Việt Nam do mỗi tài sản có nguyên giá thấp hơn 10 triệu VNĐ. Thiết bị văn phòng này được phân loại là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**(l) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trên ba năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(n) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(o) Nợ dài hạn khác**

Nợ dài hạn khác chủ yếu thể hiện các khoản ký quỹ cho bình khí đốt. Các khoản ký quỹ bình khí đốt này được phản ánh theo giá trị ký quỹ gốc trừ cho phí sử dụng bình của bên ký quỹ. Phí sử dụng hàng năm (tức khoản ghi có vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh) tương đương với khoản khấu hao của bình khí đốt.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

**(q) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại thành nguồn vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp vào việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ nguồn vốn chủ sở hữu.

**(ii) Cổ phiếu quỹ**

Khi vốn cổ phần được ghi nhận là vốn sở hữu được mua lại, thì khoản đối ứng đã trả, bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp, sau thuế, được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu. Cổ phần mua lại được phân loại vào cổ phiếu quỹ và được trình bày như một khoản giảm trừ của vốn chủ sở hữu.

**(r) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên quyết định của các cổ đông tại đại hội cổ đông hàng năm.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(s) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ tiền lãi chưa phân phối hàng năm dựa trên quyết định của các cổ đông. Quỹ này được sử dụng duy nhất cho việc chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn. Khoản chi thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(t) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(u) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(v) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tập đoàn hoạt động trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

**(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.



**Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Loại trừ hợp nhất		Hợp nhất	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Doanh thu bộ phận	9.625.906.882.540	3.500.788.372.647	475.733.323.321	496.922.905.776	200.261.355.397	241.475.193.921	(11.398.370.744)	(34.950.528.781)	10.290.503.190.514	4.204.235.943.563
Các khoản giảm trừ doanh thu của bộ phận	(34.163.577.238)	(25.043.759.774)	-	-	(39.851.390)	(343.001.205)	-	-	(34.203.428.628)	(25.386.760.979)
Giá vốn hàng bán bộ phận	(9.200.219.584.279)	(3.219.330.626.542)	(399.509.199.974)	(438.414.820.012)	(166.295.177.539)	(206.373.778.217)	10.579.537.210	35.310.372.363	(9.755.444.424.582)	(3.828.808.852.408)
Lợi nhuận gộp bộ phận	391.523.721.0	256.413.986.331	76.224.123.347	58.508.085.764	33.926.326.468	34.758.414.499	(818.833.534)	359.843.582	500.855.337.304	350.040.330.176
Kết quả bộ phận	227.349.187.790	142.217.112.943	31.295.914.084	15.447.891.564	8.295.020.911	15.726.755.780	(1.614.612.671)	(543.535.856)	265.325.510.114	172.848.224.431
Doanh thu không phân bổ									74.014.998.344	56.899.530.012
Chi phí không phân bổ									(75.807.391.931)	(63.237.590.959)
Mua sắm tài sản dài hạn	34.068.127.472	226.765.412.201	64.725.043.667	47.910.900.037	3.651.681.704	26.117.156.168	-	-	102.444.852.843	300.793.468.406
Khấu hao	9.486.041.403	8.513.241.968	3.864.554.875	4.216.987.346	3.991.565.966	2.545.311.031	-	-	17.342.162.244	15.275.540.345
Phân bổ	3.686.161.709	2.232.993.754	19.687.353.550	17.282.422.428	302.635.950	188.886.024	-	-	23.676.151.209	19.704.302.206

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Trang sức		Gas và vỏ bình gas		Thủy hải sản		Hợp nhất	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Tài sản của bộ phận	1.114.609.642.578	991.844.578.368	251.568.867.381	128.779.360.866	109.573.375.795	112.793.367.708	1.475.751.885.754	1.233.417.306.942
Tài sản không phân bổ							549.902.787.830	449.714.522.080
							2.025.654.673.584	1.683.131.829.022
Nợ phải trả của bộ phận	(758.158.201.794)	(534.384.575.669)	(152.721.632.959)	(104.018.710.137)	(76.536.069.854)	(80.409.918.856)	(987.415.904.607)	(718.813.204.662)

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
		Phân loại lại		Phân loại lại
Tiền mặt tại quỹ	11.828.104.182	7.746.508.549	9.385.107.469	4.761.244.112
Tiền gửi ngân hàng	75.944.357.820	70.985.153.443	48.583.819.333	55.495.637.882
Các khoản tương đương tiền				
▪ Tiền đang chuyển	457.431.129	175.816.999	66.741.958	8.995.999
▪ Vàng	186.736.055.440	131.550.648.521	186.736.055.440	131.550.648.521
	274.965.948.571	210.458.127.512	244.771.724.200	191.816.526.514

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tiền mặt của Tập đoàn bao gồm các khoản khác VNĐ tương đương 24 tỷ VNĐ (2008: 11 tỷ VNĐ); tiền mặt của Công ty bao gồm các khoản khác VNĐ tương đương 17 tỷ VNĐ (2008: 10 tỷ VNĐ).

Tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 37 tỷ VNĐ (2008: 42 tỷ VNĐ) bị giới hạn sử dụng.

**5. Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Hợp đồng ủy thác đầu tư	68.440.824.976	15.940.998.056	68.440.824.976	15.940.998.056
Cho công ty con vay	-	-	-	15.058.447.196
Phải thu từ công đoàn	802.479.644	-	802.479.644	-
Cho các công ty khác vay	-	2.474.281.199	-	2.474.281.199
Phải thu từ các dịch vụ cầm cố	2.044.045.000	2.457.150.000	2.044.045.000	2.457.150.000
Cho cổ đông vay	3.830.304.190	945.005.000	-	-
Thu khác	4.401.678.614	2.918.584.245	3.938.983.682	2.914.003.060
	79.519.332.424	24.736.018.500	75.226.333.302	38.844.879.511



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Hợp đồng ủy thác đầu tư bao gồm những khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty khác do công ty được ủy thác đại diện Tập đoàn thực hiện và được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư trên không phải ghi nhận do giá thị trường của các cổ phiếu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 cao hơn nguyên giá.

Các khoản cho các công ty con và cổ đông vay không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả khi yêu cầu.

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	Tập đoàn/Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	721.092.873	727.732.873
Tăng dự phòng trong năm	911.257.776	-
Hoàn nhập	(59.055.906)	(6.640.000)
Số dư cuối năm	1.573.294.743	721.092.873

**6. Hàng tồn kho**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
		Phân loại lại		Phân loại lại
Hàng đang đi đường	89.010.500	103.473.521	89.010.500	103.473.521
Nguyên vật liệu	12.293.324.813	19.456.742.861	7.618.548.866	6.150.543.272
Công cụ và dụng cụ	5.408.682.532	7.962.998.072	5.122.601.305	5.308.799.743
Sản xuất kinh doanh dở dang	4.093.837.930	3.418.376.001	4.031.573.511	1.587.928.243
Thành phẩm	47.838.397.836	61.634.829.169	25.955.783.651	29.927.669.673
Hàng hóa tồn kho	442.637.079.173	374.484.636.885	426.176.441.321	365.809.775.637
Hàng gửi đi bán	8.289.200.565	8.297.255.244	8.045.698.058	8.170.440.824
	520.649.533.349	475.358.311.753	477.039.657.212	417.058.630.913
Dự phòng hàng tồn kho	-	(2.337.642)	-	(2.337.642)
	520.649.533.349	475.355.974.111	477.039.657.212	417.056.293.271

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	Nhà cửa VND	Máy móc và Thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	44.553.594.540	111.759.169.844	9.895.583.196	19.386.322.028	185.594.669.608
Tăng trong năm	2.168.566.488	11.385.401.109	1.235.945.489	1.011.516.809	15.801.429.895
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.865.152.138	2.485.345.157	-	-	24.350.497.295
Thanh lý	(144.225.600)	(745.738.263)	(66.335.150)	-	(956.299.013)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(7.482.883.969)	(36.038.080.180)	(1.027.989.187)	(755.654.454)	(45.304.607.790)
Số dư cuối năm	60.960.203.597	88.846.097.667	10.037.204.348	19.642.184.383	179.485.689.995
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	20.824.132.175	64.020.857.803	5.444.850.466	9.204.808.605	99.494.649.049
Khấu hao trong năm	4.640.839.664	9.023.846.667	2.080.066.426	1.597.409.487	17.342.162.244
Thanh lý	(76.203.473)	(263.996.930)	(66.335.150)	-	(406.535.553)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(5.480.518.200)	(32.181.074.760)	(983.560.402)	(755.654.454)	(39.400.807.816)
Số dư cuối năm	19.908.250.166	40.599.632.780	6.475.021.340	10.046.563.638	77.029.467.924
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối năm	41.051.953.431	48.246.464.887	3.562.183.008	9.595.620.745	102.456.222.071
Số dư đầu năm	23.729.462.365	47.738.312.041	4.450.732.730	10.181.513.423	86.100.020.559

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 19.305 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 47.088 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 38.339 triệu VND (2008: 13.609 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**Công ty**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	10.830.604.127	46.304.998.687	7.768.978.982	5.753.300.988	70.657.882.784
Tăng trong năm	1.425.588.306	9.294.620.187	1.015.665.520	424.588.571	12.160.462.584
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.261.514.511	-	-	-	12.261.514.511
Thanh lý	(124.696.600)	(745.738.263)	(66.335.150)	-	(936.770.013)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.393.010.344</b>	<b>54.853.880.611</b>	<b>8.718.309.352</b>	<b>6.177.889.559</b>	<b>94.143.089.866</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	2.563.147.815	26.782.492.770	4.110.670.686	2.987.493.370	36.443.804.641
Khấu hao trong năm	1.162.539.065	5.832.373.597	1.885.556.490	605.572.251	9.486.041.403
Thanh lý	(76.203.473)	(263.996.930)	(66.335.150)	-	(406.535.553)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.649.483.407</b>	<b>32.350.869.437</b>	<b>5.929.892.026</b>	<b>3.593.065.621</b>	<b>45.523.310.491</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư cuối năm	20.743.526.937	22.503.011.174	2.788.417.326	2.584.823.938	48.619.779.375
Số dư đầu năm	8.267.456.312	19.522.505.917	3.658.308.296	2.765.807.618	34.214.078.143

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 17.318 triệu VNĐ đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (2008: 14.710 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 11.504 triệu VNĐ (2008: 3.228 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	201.232.737.638	392.149.297	201.624.886.935
Tăng trong năm	9.607.800.000	493.419.713	10.101.219.713
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(56.212.297)	(56.212.297)
Số dư cuối năm	210.840.537.638	829.356.713	211.669.894.351
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	897.208.562	186.156.806	1.083.365.368
Phân bổ trong năm	188.886.024	146.626.866	335.512.890
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	-	(43.125.062)	(43.125.062)
Số dư cuối năm	1.086.094.586	289.658.610	1.375.753.196
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	209.754.443.052	539.698.103	210.294.141.155
Số dư đầu năm	200.335.529.076	205.992.491	200.541.521.567

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

<b>Công ty</b>	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	192.732.737.638	335.937.000	193.068.674.638
Tăng trong năm	9.607.800.000	156.034.613	9.763.834.613
Số dư cuối năm	202.340.537.638	491.971.613	202.832.509.251
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	152.769.550	152.769.550
Phân bổ trong năm	-	97.527.465	97.527.465
Số dư cuối năm	-	250.297.015	250.297.015
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	202.340.537.638	241.674.598	202.582.212.236
Số dư đầu năm	192.732.737.638	183.167.450	192.915.905.088

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định vô hình của Tập đoàn và Công ty với giá trị ghi sổ là 7.413 triệu VNĐ (2008: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**9. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2009 VNĐ</b>	<b>2008 VNĐ</b>	<b>2009 VNĐ</b>	<b>2008 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	25.124.318.854	630.038.000	13.164.071.681	188.181.818
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	2.467.554.424	-	-
Tăng trong năm	50.393.427.973	195.560.410.750	8.520.336.239	185.744.933.501
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(24.350.497.295)	(173.533.684.320)	(12.261.514.511)	(172.769.043.638)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(1.089.837.831)	-	-	-
Số dư cuối năm	50.077.411.701	25.124.318.854	9.422.893.409	13.164.071.681

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chi phí xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 40.654 triệu VNĐ (31/12/2008: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của công ty con của Công ty.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 502 triệu VNĐ (2008: không).

**10. Đầu tư**

**(a) Đầu tư ngắn hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư chứng khoán	-	24.131.274.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	29.475.000.000	-	29.475.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(1.099.062.000)	-	-
	<u>29.475.000.000</u>	<u>23.032.212.000</u>	<u>29.475.000.000</u>	<u>-</u>

Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm tiền gửi tại ngân hàng với thời hạn gốc đến ngày đáo hạn từ ngày 24 tháng 11 năm 2009 đến ngày 24 tháng 8 năm 2010 và hưởng lãi suất năm là 0,5%. Tiền gửi có kỳ hạn được thế chấp tại ngân hàng nhằm mục đích thanh toán hợp đồng mua bán ngoại tệ có kỳ hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(b) Đầu tư dài hạn**

	<b>Công ty</b>	
	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“Đại Việt”) (a)	70.000.000.000	70.000.000.000
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina	-	17.272.637.000
▪ Công ty Cổ phần Hải sản S.G (“S.G Fisco”) (b)	17.290.000.000	17.290.000.000
▪ Công ty TNHH CAO Fashion (“CAO”) (c)	3.700.000.000	-
	90.990.000.000	104.562.637.000

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2009</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	79.000.021.680	18.200.000.000	79.000.021.680	18.200.000.000
Góp vốn trong năm	39.392.641.000	60.800.021.680	31.884.861.000	60.800.021.680
Chia lợi nhuận trong công ty liên kết	11.337.816.750	-	-	-
Số dư cuối năm	129.730.479.430	79.000.021.680	110.884.882.680	79.000.021.680

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào các công ty liên kết:				
▪ Công ty Cổ phần An Cư Đông Á (“An Cư Đông Á”) (d)	71.965.739.593	46.200.000.000	70.066.300.000	46.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (“Nhiên liệu Sài Gòn”) (e)	49.926.514.956	32.800.021.680	40.818.582.680	32.800.021.680
▪ Công ty TNHH Bình khí đốt Hong Vina (“Hong Vina”) (f)	7.838.224.881	-	-	-
	<b>129.730.479.430</b>	<b>79.000.021.680</b>	<b>110.884.882.680</b>	<b>79.000.021.680</b>

- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 70% vốn cổ phần của Đại Việt, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Đại Việt là mua bán gas, bếp gas và phụ tùng máy móc, thiết bị, vật tư ngành dầu khí, cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa, mua bán dầu, mỡ bôi trơn, dầu nhờn và các sản phẩm hóa dầu.
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 57,63% vốn cổ phần của S.G Fisco, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của S.G Fisco là mua bán hàng thủy sản, nguyên liệu, vật tư, thiết bị, máy móc, phụ tùng phục vụ ngành chế biến thủy sản; mua bán hàng nông sản, lâm sản, thực phẩm; đại lý ký gửi hàng hóa, dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, chế biến hàng nông, lâm, thủy sản, dịch vụ thương mại
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 100% vốn cổ phần của CAO, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của CAO là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang như va li, túi xách, ví, giày, quần áo nội địa và nước hoa, đồng hồ, mắt kính, sản xuất và kinh doanh trang sức vàng và bạc; kinh doanh hàng lưu niệm, các sản phẩm đan len, nghệ thuật, các sản phẩm thủ công; nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 23,36% vốn cổ phần của An Cư Đông Á, một công ty được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của An Cư Đông Á là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn bất động sản và đại lý bất động sản; kinh doanh nhà và trang trí nội thất.
- Khoản đầu tư dài hạn này thể hiện 22,72% vốn cổ phần của Nhiên liệu Sài Gòn, một công ty niêm yết được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Nhiên liệu Sài Gòn là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas; kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; nhập khẩu, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

- f. Khoản vay này thể hiện 35% cổ phiếu của Hong Vina, một công ty được thành lập tại Việt Nam, do Công ty Cổ phần Năng Lượng Đại Việt - công ty con do Công ty sở hữu 70% vốn nắm giữ. Hoạt động chính của Hong Vina là sản xuất và kinh doanh bình gas, bình nén khí và các linh kiện của các sản phẩm này, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì bình gas.

Một công ty liên kết trong Tập đoàn chưa đánh giá lại các khoản vay bằng vàng theo tỷ giá vàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Ban Giám đốc tin rằng cách hạch toán này là phù hợp và có thể chấp nhận được cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất vì công ty liên kết này không hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vàng, bạc, đá quý và hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể nào do Bộ Tài Chính ban hành về việc hạch toán các nghiệp vụ như trên. Nếu các khoản vay này được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán, khoản đầu tư vào công ty liên kết và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và lợi nhuận cổ phần trong các công ty liên kết và lợi nhuận thuần hợp nhất sẽ giảm đi 12,3 tỷ VNĐ.

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đầu tư dài hạn khác vào:				
▪ Ngân hàng Đông Á	272.083.613.400	232.151.913.400	272.083.613.400	232.151.913.400
▪ Công ty Cổ phần bất động sản Saigon M&C	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000	65.380.375.000
▪ Công ty Cổ phần Địa ốc Kinh Đô	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000	23.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Quê Hương – Liberty	40.833.320.000	37.500.000.000	40.833.320.000	37.500.000.000
▪ Trái phiếu chính phủ	200.000.000	450.000.000	200.000.000	450.000.000
	<b>401.497.308.400</b>	<b>358.482.288.400</b>	<b>401.497.308.400</b>	<b>358.482.288.400</b>



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư trong năm như sau:

	<b>Công ty/Tập đoàn</b>		<b>Tập đoàn</b>	
	<b>Đầu tư dài hạn</b>		<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	
	<b>2009</b>	<b>2008</b>	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	10.800.000.000	-	1.099.062.000	-
Tăng dự phòng trong năm	-	10.800.000.000	-	1.099.062.000
Sử dụng dự phòng trong năm	-	-	(1.099.062.000)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>10.800.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.099.062.000</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản đầu tư dài hạn khác gồm các cổ phiếu của ngân hàng Đông Á với giá trị ghi sổ là 205 tỷ VNĐ (2008: 141 tỷ VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**11. Các công ty trong Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có các công ty con và các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	2009		2008	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
<b>Công ty con</b>					
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	176/6 Dương Quảng Hàm, Phường 5, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh	70,00%	70,00%	70,00%	70,00%
Công ty Cổ phần Hải sản S.G	C24-24B/II, Đường số 2F, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh	57,63%	57,63%	57,63%	57,63%
Công ty TNHH CAO Fashion	170E Phan Đăng Lưu7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	-	-
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần An Cư Đông Á	573/2 Sư Vạn Hạnh, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	23,36%	23,36%	23,36%	23,36%
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	Số 1A Phạm Ngọc Thạch, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	22,72%	22,72%	21,00%	21,00%
Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina	295/71 An Dương Vương, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	24,5%	24,5%	70,00%	70,00%

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Trong năm, Công ty thanh lý một công ty con - Công ty TNHH Bình Khí đốt Hong Vina tại ngày 30 tháng 9 năm 2009, chi tiết như sau:

	<b>VNĐ</b>
<b>Tài sản thuần của công ty con tại ngày thanh lý</b>	
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	312.936.649
Các khoản phải thu	12.575.173.529
Hàng tồn kho	15.923.323.098
Tài sản ngắn hạn khác	11.690.147.757
Tài sản cố định	5.916.887.209
Tài sản dài hạn khác	1.521.896.119
<b>Nợ phải trả</b>	
Vay ngắn hạn	(15.640.500.200)
Phải trả thương mại	(5.503.687.223)
Nợ ngắn hạn khác	(2.373.433.518)
Nợ dài hạn	(871.386.416)
<b>Tài sản thuần tại ngày thanh lý</b>	<b>23.551.357.005</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.316.439.998)
	<b>16.234.917.007</b>
Tiền thu được từ thanh lý	21.450.800.000
	<b>5.215.882.993</b>
Trừ đi:	
Lợi ích thương mại	(814.349.006)
Quỹ dự phòng tài chính	102.943.449
Lợi nhuận chưa thực hiện thu được từ việc thanh lý công ty con cho một công ty con khác	(3.217.619.999)
<b>Lợi nhuận thuần từ thanh lý công ty con</b>	<b>1.286.857.437</b>



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

**Tập đoàn**

	<b>Bình khí đốt VNĐ</b>	<b>Thuê nhà VNĐ</b>	<b>Chi phí đất trả trước VNĐ</b>	<b>Khác VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
Số dư đầu năm	142.434.828.477	9.943.740.267	-	2.049.365.741	154.427.934.485
Tăng trong năm	22.515.342.550	-	1.624.963.450	1.857.906.537	25.998.212.537
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	1.089.837.831	1.089.837.831
Phân bổ trong năm	(18.853.210.889)	(2.165.480.000)	-	(1.507.598.423)	(22.526.289.312)
Giảm từ thanh lý hoạt động kinh doanh	-	-	-	(72.323.000)	(72.323.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>146.096.960.138</b>	<b>7.778.260.267</b>	<b>1.624.963.450</b>	<b>3.417.188.686</b>	<b>158.917.372.541</b>

**Công ty**

	<b>Thuê nhà VNĐ</b>	<b>Chi phí đất trả trước VNĐ</b>	<b>Khác VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
Số dư đầu năm	9.943.740.267	-	1.847.387.487	11.791.127.754
Tăng trong năm	-	1.624.963.450	1.938.204.950	3.563.168.400
Phân bổ trong năm	(2.165.480.000)	-	(1.423.154.244)	(3.588.634.244)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.778.260.267</b>	<b>1.624.963.450</b>	<b>2.362.438.193</b>	<b>11.765.661.910</b>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	941.363.000	664.929.490	941.363.000	429.143.803
Các khoản trích trước và dự phòng	-	68.793.967	-	-
Lỗi tính thuế mang sang	-	1.208.787.432	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện từ việc bán hàng trong nội bộ Tập đoàn	630.485.010	392.778.413	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(131.840.339)	-	(131.840.339)	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>1.440.007.671</b>	<b>2.335.289.302</b>	<b>809.522.661</b>	<b>429.143.803</b>

Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗi tính thuế của một công ty con không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**14. Lợi thế thương mại**

	VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	3.257.396.026
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(3.257.396.026)
Số dư cuối năm	-
<b>Phân bổ lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.628.698.013
Phân bổ trong năm	814.349.007
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(2.443.047.020)
Số dư cuối năm	-
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	-
Số dư đầu năm	1.628.698.013

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**15. Vay ngắn hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Vay ngắn hạn				
Từ ngân hàng				
▪ Bằng USD	26.817.000.000	5.239.699.790	26.817.000.000	5.239.699.790
▪ Bằng VNĐ	134.815.390.570	106.073.180.088	92.415.390.570	45.230.000.000
▪ Bằng vàng	501.218.330.644	357.634.183.027	501.218.330.644	357.634.183.027
	662.850.721.214	468.947.062.905	620.450.721.214	408.103.882.817
Vay dài hạn đến hạn trả	5.073.561.778	1.243.319.340	715.000.000	1.243.319.340
	667.924.282.992	470.190.382.245	621.165.721.214	409.347.202.157

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 các khoản vay từ ngân hàng của Công ty bao gồm 319.962 triệu VNĐ (2008: 202.833 triệu VNĐ) là khoản không được bảo đảm và khoản 300.488 triệu VNĐ (2008: 205.271 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi cổ phiếu của Ngân hàng Đông Á của Công ty với giá trị ghi sổ là 205 tỷ VNĐ (2008: 141 tỷ VNĐ).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 các khoản vay từ ngân hàng của các công ty con bao gồm 14.400 triệu VNĐ (2008: 2.820 triệu VNĐ) được bảo đảm bởi Công ty và 28.000 triệu VNĐ được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình với giá trị ghi sổ là 15.149 triệu VNĐ và 7.413 triệu VNĐ tương ứng.

Các khoản vay từ ngân hàng bằng USD, VNĐ và vàng chịu lãi suất năm dao động lần lượt từ 5,50% đến 7,50% (2008: từ 5,50% đến 8,50%), 9,80% đến 12,00% (2008: 10,80% đến 21,00%) và 5,40% đến 7,90% (2008: 4,20% đến 8,70%) một năm.

**16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	2.837.398.135	8.048.410.317	2.825.995.746	7.762.559.524
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.650.050.638	6.741.004.336	6.935.093.797	3.189.539.064
Thuế khác	327.670.989	141.441.006	277.570.820	60.211.211
	18.815.119.762	14.930.855.659	10.038.660.363	11.012.309.799



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**17. Chi phí phải trả**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí lãi vay	2.567.678.193	1.036.430.633	2.567.678.193	909.542.718
Tiền thưởng và lương tháng 13	2.025.352.570	1.228.644.639	-	-
Chi phí khuyến mại, chiết khấu	4.130.255.519	-	3.129.326.822	-
Phí kiểm toán	388.059.000	354.094.000	388.059.000	309.094.000
Thuê nhà	1.137.620.410	1.423.220.144	1.137.620.410	1.423.220.144
Lỗ từ kinh doanh vàng	1.794.069.934	-	1.794.069.934	-
Lỗ từ hợp đồng ngoại hối	1.279.500.000	-	1.279.500.000	-
Chi phí khác	316.129.801	1.565.141.217	314.809.437	1.184.780.575
	<b>13.638.665.427</b>	<b>5.607.530.633</b>	<b>10.611.063.796</b>	<b>3.826.637.437</b>

**18. Phải trả khác**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Phí công đoàn	1.284.787.522	1.506.790.945	910.520.322	1.169.054.607
Bảo hiểm xã hội	540.544.945	278.016.138	473.018.826	130.067.359
Bảo hiểm y tế	444.854.097	90.056.075	427.194.177	82.581.126
Cổ tức	21.059.613.000	971.886.000	21.059.613.000	971.886.000
Doanh thu nhận trước	-	-	7.015.739.377	9.297.148.081
Quỹ cho Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	6.620.466.852	4.806.928.386	6.339.175.546	4.478.234.546
Cho các công ty con vay	-	-	16.149.448.994	-
Khác	14.615.101.559	4.679.990.973	13.384.912.680	4.642.918.995
	<b>44.565.367.975</b>	<b>12.333.668.517</b>	<b>65.759.622.922</b>	<b>20.771.890.714</b>

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**19. Vay dài hạn**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Từ Ngân hàng Đông Á				
▪ Khoản vay 1	-	637.573.381	-	637.573.381
▪ Khoản vay 2	-	769.980.225	-	769.980.225
▪ Khoản vay 3	-	1.691.767.695	-	1.691.767.695
▪ Khoản vay 4 (a)	10.756.900.081	14.465.606.311	-	-
▪ Khoản vay 5 (b)	1.098.000.000	-	1.098.000.000	-
▪ Khoản vay 6 (c)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu				
▪ Khoản vay 7 (d)	26.441.175.933	-	-	-
	53.296.076.014	17.564.927.612	16.098.000.000	3.099.321.301
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(5.073.561.778)	(1.243.319.340)	(715.000.000)	(1.243.319.340)
Hoàn trả sau 12 tháng	48.222.514.236	16.321.608.272	15.383.000.000	1.856.001.961

- Khoản vay 4 bằng Đô la Mỹ, liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 11.686 triệu VNĐ (2008: 10.381 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm 9% (31/12/2008: 10,05%) trong năm. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 559.570 USD (31/12/2008: 852.071 USD) và được hoàn trả trong 10 quý bằng nhau, mỗi quý trả 50.500 USD và số dư còn lại 54.570 USD được hoàn trả vào kỳ cuối là tháng 6 năm 2012.
- Khoản vay 5 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.909 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 10,5%. Khoản vay này được hoàn trả trong 32 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 34 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 10 năm 2009 và số dư còn lại được hoàn trả vào kỳ cuối là tháng 9 năm 2012.
- Khoản vay 6 được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 9.595 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm là 12%. Khoản vay này được hoàn trả trong 48 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 307 triệu VNĐ bắt đầu từ tháng 12 năm 2012 và số dư còn lại được hoàn trả vào tháng 12 năm 2014.
- Khoản vay 7 liên quan đến khoản vay của một công ty con được bảo đảm bằng xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 40.654 triệu VNĐ. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,05% đến 12%. Khoản vay gốc chưa thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 72 tháng bằng nhau, mỗi tháng trả 367 triệu VNĐ.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**20. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>Tập đoàn VNĐ</b>	<b>Công ty VNĐ</b>
Số dư đầu năm	3.299.123.749	2.340.937.100
Trích lập dự phòng trong năm	1.697.198.330	1.692.634.871
Sử dụng dự phòng trong năm	(345.289.403)	(268.119.970)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(871.386.416)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.779.646.260	3.765.452.001

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 369 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất, Công ty đã đóng 288 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh.



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyet</b>	40.000.000	400.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.921	399.999.210.000	30.000.000	300.000.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(709)	(7.090.000)	-	-
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	39.999.212	399.992.120.000	30.000.000	300.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	9.999.921	99.999.210.000	-	-
Mua cổ phiếu quỹ trong năm	(709)	(7.090.000)	-	-
Số dư cuối năm	39.999.212	399.992.120.000	30.000.000	300.000.000.000

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

Biến động thặng dư vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	525.000.000.000	525.000.000.000
Cổ phiếu thưởng phát hành trong năm	(99.999.210.000)	-
Số dư cuối năm	425.000.790.000	525.000.000.000

**22. Quỹ khen thưởng phúc lợi**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	19.960.194.077	8.118.542.217	18.772.582.913	8.090.539.342
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	91.464.400	-	-
Tăng trong năm	29.344.950.758	25.272.280.393	27.314.626.000	23.933.162.000
Sử dụng quỹ trong năm	(13.608.678.891)	(13.522.092.933)	(11.440.147.496)	(13.251.118.429)
Số dư cuối năm	35.696.465.944	19.960.194.077	34.647.061.417	18.772.582.913

**23. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	Tập đoàn	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Số dư đầu năm	50.759.929.838	29.963.138.818
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ hợp nhất kinh doanh	-	12.595.210.797
Vốn góp của cổ đông thiểu số tăng trong năm	-	6.418.455.498
Lợi nhuận thuần phân bổ cho lợi ích cổ đông thiểu số	15.340.366.447	6.300.247.042
Phần trích quỹ phân bổ cho cổ đông thiểu số	(8.153.835.365)	(513.065.519)
Cổ tức chi trả cho cổ đông thiểu số	(4.092.849.000)	(4.004.056.798)
Giảm do thanh lý hoạt động kinh doanh	(7.316.439.998)	-
Chuyển từ các quỹ	263.969.772	-
Số dư cuối năm	46.801.141.694	50.759.929.838

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Lãi tiền gửi	1.536.487.997	2.768.255.132	720.815.943	2.276.729.864
Thu từ đầu tư chứng khoán thông qua quỹ ủy thác	10.342.193.078	-	10.342.193.078	-
Thu từ đầu tư chứng khoán	25.893.396.000	-	900.000.000	-
Cổ tức	32.392.841.031	34.993.328.575	40.708.607.400	42.305.528.575
Thu từ kinh doanh vàng	769.849.903	12.393.859.075	769.849.903	12.393.859.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.744.736.740	4.545.836.162	-	886.623.493
Lãi từ thanh lý công ty con	1.286.857.437	-	4.178.163.000	-
Doanh thu tài chính khác	48.636.158	2.198.251.068	-	2.041.348.068
	<b>74.014.998.344</b>	<b>56.899.530.012</b>	<b>57.619.629.324</b>	<b>59.904.089.075</b>

**25. Chi phí hoạt động tài chính**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Chi phí lãi vay	41.421.831.862	32.978.648.561	35.701.424.763	27.804.402.620
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	156.218.940	11.412.702.677	-	10.480.205.677
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.834.806.486	18.776.263.919	29.362.860.973	10.706.744.250
Chi phí tài chính khác	394.534.643	69.975.802	-	5.593.163
	<b>75.807.391.931</b>	<b>63.237.590.959</b>	<b>65.064.285.736</b>	<b>48.996.945.710</b>



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**26. Thu nhập khác**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
Lãi do chuyển tài sản cho công ty con	-	-	2.281.409.000	2.281.409.000
Tiền ký quỹ bình khí đốt đưa thu nhập	9.799.005.182	8.624.218.335	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	751.500.000	-	743.500.000	-
Thu từ thanh lý công cụ, thiết bị và linh kiện	65.902.000	-	-	-
Thu nhập khác	1.485.142.842	2.542.973.920	1.125.673.716	1.187.991.970
	12.101.550.024	11.167.192.255	4.150.582.716	3.469.400.970

**27. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VND	2008 VND	2009 VND	2008 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện hành	54.552.299.565	35.528.877.415	45.738.661.952	31.426.235.324
<b>Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Phát sinh/(hoàn nhập) chênh lệch tạm thời	336.191.501	(880.428.750)	(380.378.858)	(429.143.803)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	-	(2.108.044)	-	-
	336.191.501	(882.536.794)	(380.378.858)	(429.143.803)
Chi phí thuế thu nhập	54.888.491.066	34.646.340.621	45.358.283.094	30.997.091.521

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	274.720.370.552	166.510.163.484	221.031.957.115	153.124.256.308
Thuế theo thuế suất của Công ty	68.680.092.638	46.622.845.775	55.257.989.279	42.874.791.766
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(275.667.402)	(1.059.527.184)	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	481.032.916	1.245.697.766	277.445.665	606.903.338
Thu nhập miễn thuế	(10.267.306.225)	(10.284.997.543)	(10.177.151.850)	(12.484.603.583)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trên lỗ tính thuế không được ghi nhận	281.328.985	-	-	-
Ảnh hưởng của ưu đãi thuế	(4.010.989.846)	(1.490.971.125)	-	-
Ảnh hưởng của lợi nhuận chưa thực hiện	-	(386.707.068)	-	-
	54.888.491.066	34.646.340.621	45.358.283.094	30.997.091.521

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước như sau:

Doanh nghiệp	Thuế suất hiện hành	Ưu đãi thuế
Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	25%	Không
Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt	25%	Giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý 4 năm 2008 và cả năm 2009 theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009.
Công ty TNHH CAO Fashion	25%	Không
Công ty Cổ phần Thủy sản S.G	15%	Giảm 50% chi phí thuế thu nhập từ năm 2008 đến năm 2014 và giảm thêm 20% chi phí thuế thu nhập trên phần lợi nhuận từ xuất khẩu.

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu thông thường đang lưu hành, được thực hiện như sau:

**(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Lợi nhuận thuần trong năm	204.491.513.039	125.563.575.821	175.673.674.021	122.127.164.787
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	204.491.513.039	125.563.575.821	175.673.674.021	122.127.164.787

**(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành**

	Tập đoàn/Công ty	
	2009	2008
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	30.000.000	30.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu thưởng đã phát hành	9.999.921	9.999.921
Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ được mua lại vào ngày 19 tháng 10 năm 2009	(142)	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	39.999.779	39.999.921



**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của các bên liên quan trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan sau:

	Công ty		Tập đoàn	
	Giá trị giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2009	2008	2009	2008
	VND	VND	VND	VND
<b>Các công ty liên quan</b>				
<b>Đại Việt</b>				
Vay ngắn hạn	16.216.152.804	51.116.907.826	-	-
Cổ tức nhận được	9.800.000.000	4.200.000.000	-	-
Thanh lý công ty con	10.725.400.000	-	-	-
Cho vay	16.041.552.804	-	-	-
<b>Hong Vina</b>				
Bán tài sản cố định	710.000.000	-	-	-
<b>S.G Fisco</b>				
Cổ tức nhận được	-	3.112.200.000	-	-
<b>An Cư Đông Á</b>				
Phải trả xây dựng sửa chữa, nhà cửa	12.896.484.187	-	-	-
Vay ngắn hạn	32.000.000.000	-	-	-
Tạm ứng	22.500.000.000	-	-	-
Góp vốn	23.866.300.000	-	-	-
<b>Nhiên liệu Sài Gòn</b>				
Cổ tức nhận được	2.045.204.000	314.770.000	-	-
<b>Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Bến Thành</b>				
Cổ tức nhận được	45.000.000	-	-	-
<b>CAO</b>				
Bán hàng hóa	20.091.222	-	-	-
Mua hàng hóa	344.195.165	-	-	-
Góp vốn	3.700.000.000	-	-	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>				
Lương và thù lao	5.013.938.080	4.273.708.180	5.013.938.080	4.273.708.180

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**30. Các cam kết**

**(a) Mua sắm tài sản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 Tập đoàn và Công ty có các cam kết mua sắm tài sản sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	25.143.362.700	3.812.726.570	22.846.053.800	3.812.726.570

**(b) Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Trong vòng một năm	7.106.035.539	8.713.228.981	7.020.819.101	8.356.457.731
Trong vòng hai đến năm năm	15.991.273.139	18.449.754.703	15.510.944.372	17.304.176.881
Sau năm năm	4.414.989.745	4.980.522.384	4.414.989.745	4.980.522.384
	27.512.298.423	32.143.506.068	26.946.753.218	30.641.156.996

**31. Hợp đồng mua bán ngoại tệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 theo các hợp đồng mua bán ngoại tệ, Công ty có các cam kết mua 1.579.625 USD được ghi nhận là một khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán như sau:

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cam kết hợp đồng mua bán ngoại tệ	29.587.955.875	-

**Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Tập đoàn		Công ty	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	9.062.511.552.189	3.691.397.248.039	8.936.996.430.269	3.408.688.177.081
Chi phí nhân công	124.228.475.909	99.445.585.058	97.445.471.605	73.035.548.951
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.039.703.608	36.065.641.226	9.583.568.868	10.746.235.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.594.102.859	47.925.120.442	43.138.206.775	27.290.833.000
Chi phí khác	76.097.719.815	60.817.853.975	64.592.519.155	54.799.194.448

**33. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã trình bày trước đây) VNĐ	31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ	31/12/2008 (đã trình bày trước đây) VNĐ
Tiền và các khoản tương đương tiền	131.726.465.520	538.785.714.660	131.559.644.520	538.618.893.660
Hàng tồn kho	475.358.311.753	68.299.062.613	417.058.630.913	9.999.381.773
Đầu tư vào các công ty liên kết	79.000.021.680	-	79.000.021.680	-
Đầu tư dài hạn khác	358.482.288.400	437.482.310.080	358.482.288.400	437.482.310.080

Người lập:

Đặng Thị Lại  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Cao Thị Ngọc Dung  
Tổng Giám đốc

30 MAR 2010



